SỞ Y TẾ SƠN LA **BỆNH VIỆN ĐK BẮC YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25/QĐ-BV	*Bắc Yên, ngày 15 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024, dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐK HUYỆN BẮC YÊN

Căn cứ Thông tư số 61/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được NSNN hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý biên chế, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ quyết định 882/QĐ-SYT ngày 28/12/2024 của Sở Y tế Sơn La về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Yên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai Quyết toán thu chi Ngân sách nhà nước năm 2024; Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán và các khoa, phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Sở Y tế Sơn La;
- Ban Giám đốc;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, TC-KT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH SƠN LA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN BẮC YÊN

Nguyễn Trung Kiên

Mẫu biểu 2b

ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

Đơn vị: Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Yên

(Kèm theo Thông báo xét duyệt quyết toán số 99/TB-SYT ngày 04/4 /2025 của Sở Y tế tỉnh Sơn La)

.

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Số tiền
A	B	1
I	**Hoạt động hành chính sự nghiệp**	
1	Doanh thu (01=02+03+04)	10.377.790.300
a	Từ NSNN cấp	10.377.790.300
b	Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	
c	Từ nguồn phí được khấu trừ để lại	
2	Chi phí (05=06+07+08)	9.804.318.716
a	Chi phí hoạt động	9.804.318.716
b	Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	-
c	Chi phí hoạt động thu phí	-
3	Thặng dư/thâm hụt (09=01-05)	573.471.584
II	**Hoạt động SXKD, dịch vụ**	
1	Doanh thu	37.538.199.649
2	Chi phí	36.136.808.050
3	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	1.401.391.599
III	**Hoạt động tài chính**	
1	Doanh thu	8.276.401
2	Chi phí	1.848.000
3	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	6.428.401
IV	**Hoạt động khác**	
1	Thu nhập khác	
2	Chi phí khác	
3	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	
V	**Chi phí thuế TNDN**	
VI	**Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)**	**1.407.820.000**
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	
2	Phân phối cho các quỹ	1.407.820.000
2.1	***Phân phối cho các quỹ nguồn thu của năm 2024***	
	Trích lập Quỹ CCTL 35%	
	Trích lập Quỹ PTSN 25%	351.955.000
	TL quỹ phúc lợi khen thưởng, HTBN 25%	351.955.000
	Quỹ bổ sung thu nhập 50%	703.910.000
3	Kinh phí CCTL	

Mẫu biểu 2c

SỐ LIỆU XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024
ĐƠN VỊ: BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN BẮC YÊN

(Kèm theo Thông báo xét duyệt quyết toán số 99/TB-SYT ngày 04/4/2025 của Sở Y tế tỉnh Sơn La)

Phần I- TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Tổng số	Chương 423, Loại 130		
			Tổng loại	Khoản 132	Khoản 151
A	B	1=4+7	2=5+8	3=1-2	4
A	**NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	-			
I	**NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC**				
1	**Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)**	-	-		-
1.1	*Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)*		-		-
-	Kinh phí đã nhận	-			
-	Dự toán còn dư ở Kho bạc				
1.2	*Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)*				
-	Kinh phí đã nhận	-			
-	Dự toán còn dư ở Kho bạc				
2	**Dự toán được giao trong năm (08=09+10)**	**10.377.790.300**	**10.377.790.300**	**10.297.790.300**	**80.000.000**
-	*Kinh phí thường xuyên/tự chủ*		-	-	-
-	*Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*	*10.377.790.300*	*10.377.790.300*	*10.297.790.300*	*80.000.000*
3	**Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+ 13)**	**10.377.790.300**	**10.377.790.300**	**10.297.790.300**	**80.000.000**
-	*Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)*	-	-	-	
-	*Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)*	*10.377.790.300*	*10.377.790.300*	*10.297.790.300*	*80.000.000*
4	**Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)**	**10.377.790.300**	**10.377.790.300**	**10.297.790.300**	**80.000.000**
-	*Kinh phí thường xuyên/tự chủ*	-	-	-	
-	*Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*	*10.377.790.300*	*10.377.790.300*	*10.297.790.300*	*80.000.000*

Chỉ			Chương 423, Loại 130		
5	**Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)**	**9.804.318.716**	**9.804.318.716**	**9.804.318.716**	**-**
-	*Kinh phí thường xuyên/tự chủ*		-	-	-
-	*Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*	*9.804.318.716*	*9.804.318.716*	*9.804.318.716*	
6	**Kinh phí giảm trong năm (20=21+25)**	**573.471.584**	**573.471.584**	**493.471.584**	**80.000.000**
6.1	*Kinh phí thường xuyên/tự chủ (21 =22+23+24)*	-	-	-	-
-	Đã nộp NSNN				
-	Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18- 22-31)				
-	Dự toán bị hủy (24=04+09-15-32)		-	-	-
6.2	*Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (25=26+27+28)*	573.471.584	573.471.584	493.471.584	80.000.000
-	Đã nộp NSNN		-	-	
-	Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19- 26-34)	*573.471.584*	*573.471.584*	*493.471.584*	*80.000.000*
-	Dự toán bị hủy (28=07+10-16-35)	-	-	-	
7	**Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)**	**-**	**-**	**-**	**-**
7.1	*Kinh phí thường xuyên/tự chủ (30=31+32)*		-		-
-	Kinh phí đã nhận	-			
-	Dự toán còn dư ở Kho bạc		-		-
7.2	*Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (33=34+35)*	**-**	**-**	**-**	
-	Kinh phí đã nhận	-	-	-	
-	Dự toán còn dư ở Kho bạc				
B	**NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI (Phí ATTP)**				
1	**Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (61=62+63)**	**-**			
-	*Kinh phí thường xuyên/tự chủ*	-			

Chỉ			Chương 423, Loại 130		
-	*Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*				
2	**Dự toán được giao trong năm (64=65+66)**				
-	*Kinh phí thường xuyên/tự chủ*				
-	*Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*	-			
3	**Số thu được trong năm (67=68+69)**	**-**			
-	*Kinh phí thường xuyên/tự chủ*	-			
-	*Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*				
4	**Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (70=71+72)**	**-**			
-	*Kinh phí thường xuyên/tự chủ (71=62+68)*	-			
-	*Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (72=63+69)*				
5	**Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (73=74+75)**	**-**			
-	*Kinh phí thường xuyên/tự chủ*	-			
-	*Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*				
6	**Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (76= 77+78)**	**-**			
-	*Kinh phí thường xuyên/tự chủ (77=71-74)*	-			
-	*- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (78=72-75)*				
C	**NGUỒN HOẠT ĐỘNG KHÁC ĐƯỢC ĐỂ LẠI (KCB tuyến xã)**				
1	**Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (79=80+81)**	**-**			
-	*Kinh phí thường xuyên/tự chủ*				
-	*Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*				
2	**Dự toán được giao trong năm (82=83+84)**	**-**			
-	*Kinh phí thường xuyên/tự chủ*	-			

Chỉ			Chương 423, Loại 130		
-	*Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*				
3	**Số thu được trong năm (85=86+87)**	**37.546.476.050**	**37.546.476.050**	**37.546.476.050**	**-**
-	*Kinh phí thường xuyên/tự chủ*	37.546.476.050	37.546.476.050	37.546.476.050	
-	*Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*				
4	**Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (88=89+90)**	**37.546.476.050**	**37.546.476.050**	**37.546.476.050**	**-**
-	*Kinh phí thường xuyên/tự chủ (89=80+86)*	37.546.476.050	37.546.476.050	37.546.476.050	
-	*Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (90=81+87)*				
5	**Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (91=92+93)**	**36.138.656.050**	**36.136.808.050**	**36.136.808.050**	**-**
-	*Kinh phí thường xuyên/tự chủ*	36.138.656.050	36.136.808.050	36.136.808.050	
-	*Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ*	**-**			
6	**Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (94=95+96)**	**1.407.820.000**	**1.409.668.000**	**1.409.668.000**	**-**
-	*Kinh phí thường xuyên/tự chủ (95=89-92)*	1.407.820.000	1.409.668.000	1.409.668.000	-
-	*Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (96=90-93)*				

Mẫu biểu 2C

Phần II: CHI TIẾT KINH PHÍ QUYẾT TOÁN

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn Ngân sách nhà nước	
						Ngân sách trong nước	Viện trợ
TỔNG CỘNG (A+B+ C)					**9.804.318.716**	**9.804.318.716**	
A/	**Kinh phí tự chủ / thường xuyên**						
B/	**Kinh phí không tự chủ/ không thường xuyên**				**9.804.318.716**	**9.804.318.716**	
I	**Kinh phí hoạt động không thường xuyên**				**9.804.318.716**	**9.804.318.716**	
Tiểu nhóm 0129 - Chi thanh toán cho cá nhân							
Tiểu nhóm 0129 - Chi thanh toán cho cá nhân							
		6100		**Phụ cấp lương**	**4.950.143.716**	**4.950.143.716**	**-**
			6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	4.950.143.716	4.950.143.716	-
Tiểu nhóm 0130 - Chi về hàng hoá dịch vụ					**4.850.684.000**	**4.850.684.000**	
		6750		**Chi phí thuê mướn**	**567.181.000**	**567.181.000**	
			6799	Chi phí thuê mướn khác	567.181.000	567.181.000	
		6900		**Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng**	**4.283.503.000**	**4.283.503.000**	
			6907	Nhà cửa	4.283.503.000	4.283.503.000	
Tiểu nhóm 0132 - Các khoản chi khác					**3.491.000**	**3.491.000**	
		7750		**Chi khác**	**3.491.000**	**3.491.000**	
			7757	Chi BHTS của đơn vị DT	3.491.000	3.491.000	
C/	**Kinh phí Cải cách tiền lương**				-		
Tiểu nhóm 0129 - Chi thanh toán cho cá nhân					-		

UBND TỈNH SƠN LA **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 99 /TB-SYT	*Sơn La, ngày 04 tháng 4 năm 2025*

THÔNG BÁO
Xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước và đối chiếu số liệu kết quả hoạt động năm 2024
Đơn vị được thông báo: Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Yên
Mã chương: Chương 423

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2024 của Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Yên; Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách ngày 17/02/2025 giữa Sở Y tế tỉnh Sơn La với Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Yên.

Sở Y tế tỉnh Sơn La thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 *(không bao gồm vốn đầu tư công, kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia)* của Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Yên như sau:

I. Phần số liệu

1. Số liệu quyết toán

a. Thu phí, lệ phí: Không có

b. Quyết toán chi ngân sách

b1. Nguồn NSNN chi thường xuyên giao tự chủ: Không

b2. Nguồn NSNN chi thường xuyên không giao tự chủ:

- Dự toán giao trong năm(1):	*10.475.173.300*[1]	đồng,
Trong đó:		
+ *Dư năm trước chuyển sang:*	*0*	*đồng*
+ *Dự toán giao đầu năm:*	*5.405.000.000*	*đồng*
+ *Dự toán giao bổ sung trong năm:*	*5.070.173.300*	*đồng*
- Dự toán giảm trong năm (thu hồi):	97.383.000[2]	đồng
- Kinh phí được sử dụng trong năm(2):	*10.377.790.300*	đồng
- Kinh phí đề nghị quyết toán(3):	9.804.318.716	đồng
- Kinh phí chấp nhận quyết toán(4):	9.804.318.716	đồng
- Dự toán còn lại(5)=(2-4):	573.471.584	đồng
+ *Hủy dự toán* (Kinh phí hủy do hết nhiệm vụ chi)	573.471.584	đồng
+ *Chuyển nguồn sang năm 2025*		đồng

[1] Quyết định 1358/QĐ-SYT ngày 26/12/2023: *5.405.000.000đ*; Quyết định số 297/QĐ-SYT ngày 21/06/2024: *5.070.173.300 đ*;

2 Quyết định số 59/QĐ-SYT ngày 25/01/2025: 97.000.000 đồng

(*Chi tiết tại biểu 02c kèm theo*)

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính:

Không.

3. Thuyết minh số liệu quyết toán

3.1. Tình hình chung của đơn vị

- Năm 2024, đơn vị được Sở Y tế đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao (Tại Quyết định số 797/QĐ-SYT ngày 13/12/2024 của Sở Y tế về việc xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ các cơ quan đơn vị trực thuộc sở Y tế năm 2024).

- Năm 2024, thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của đơn vị: 216 viên chức, người lao động (Trong đó: 196 viên chức; 20 hợp đồng lao động). Tự chủ về nhân sự: Được quyết định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, trên cơ sở bảo đảm việc làm ổn định và thu nhập cho số lượng người làm việc tăng thêm; Bệnh viện thực hiện theo Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh giai đoạn 2022-2026. Đơn vị đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 2).

3.2. Tình hình thực hiện dự toán:

- Kinh phí còn lại năm 2024 - kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ (chương 423, loại khoản 132) huỷ dự toán: 573.471.584 đồng.*(trong đó nguồn 12 khoản 132: 493.471.584 đồng; nguồn 12 khoản 151: 80.000.000 đồng)*

Sở Y tế quyết toán trên cơ sở chứng từ thực chi do đơn vị lập và đề nghị quyết toán. Sở Y tế không có điều kiện xác minh hoá đơn, chứng từ chi tiết, công nợ phải thu phải trả, tạm ứng, kiểm quỹ tiền mặt, tài sản vật tư. Chứng từ chi thực tế đã được Kho bạc Nhà nước kiểm soát chi và chấp nhận thanh toán. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về quyết định chi của đơn vị mình theo quy định của Điều 32 Luật NSNN và khoản 2, 3, 4 Điều 38 Nghị định số 163/NĐ-CP của Chính phủ; khoản 1, Điều 10 Thông tư 137/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

1. Thu, chi hoạt động sự nghiệp

- Dự toán giao thu trong năm: **41.000.000.000** đồng

(Giao tại Quyết định 1358/QĐ-SYT ngày 26/12/2023).

- Tổng số thu trong năm[1]: **37.546.476.050** đồng

trong đó:

+ *Thu sự nghiệp trong năm:*	*37.538.199.649*	*đồng,*
+ *Thu khác trong năm:*	*0*	*đồng,*
+ *Thu từ hoạt động tài chính:*	*8.276.401*	*đồng*
- Kinh phí nộp trả sau quyết toán[(2)]:	**0**	đồng,
+ Nộp trả BHXH (*Chi phí KCB*)	*0*	*đồng,*
- Kinh phí được sử dụng [3=1-2]:	**37.546.476.050**	đồng,
- Tổng chi trong năm:	**36.138.656.050**	đồng,
trong đó:		
+ *Kinh phí chi hoạt động[(2)]*	*36.136.808.050*	*đồng*
+ *Chi phí tài chính*	*1.848.000*	*đồng*
+ *Nộp thuế TNDN*	*0*	*đồng*

2. Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 1.407.820.000 đồng, trong đó:

a). Sử dụng KP tiết kiệm của đơn vị hành chính	0	đồng
b). Trích lập các Quỹ năm 2024	**1.407.820.000**	đồng
Trích quỹ năm 2024	***1.407.820.000***	đồng
+ *Quỹ bổ sung thu nhập 50%*	*703.910.000*	*đồng*
+ *Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp 25%*	*351.955.000*	*đồng*
+ *Quỹ phúc lợi 15%*	*211.173.000*	*đồng*
+ *Quỹ khen thưởng 10%*	*140.782.000*	*đồng*

Sở Y tế chỉ thực hiện đối chiếu, kiểm tra trên cơ sở báo cáo quyết toán tài chính của đơn vị. Qua đối chiếu số liệu đảm bảo các nhiệm vụ chi theo quy định. Thủ trưởng, kế toán đơn vị, chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp lệ của hồ sơ, chứng từ kế toán.

III. Nhận xét và kiến nghị

1. Nhận xét

a. Ưu điểm

- Báo cáo tài chính của đơn vị cơ bản đầy đủ các mẫu biểu theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.

- Về các loại sổ kế toán: Đơn vị đã mở và theo dõi các loại sổ theo quy định.

- Về chấp hành các quy định của Nhà nước như:

+ Lập, phân bổ và giao dự toán: Đơn vị lập dự toán đúng quy định tại Công văn số 2089/STC-QLNS ngày 15/6/2023 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2024-2026; Công văn số 1414/SYT-KHTC ngày 20/6/2023 của Sở Y tế về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2024 - 2026.

+ Thực hiện quản lý và sử dụng dự toán kinh phí theo đúng quy định của nhà nước và dự toán được giao; Đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ theo đúng quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

+ Đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024 theo quy định của Nghị định 60/2021/NĐ-CP. Đơn vị đã tổ chức lấy ý kiến của cán bộ viên chức thông qua Hội nghị cán bộ, viên chức trong đơn vị theo quy định. Đơn vị đã tổ chức hội nghị lấy ý kiến của cán bộ công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan theo quy định.

- Nguồn kinh phí cải cách tiền lương đơn vị đảm bảo chi đúng, chi đủ và kịp thời cho cán bộ, công chức trong đơn vị theo đúng quy định và dự toán được giao.

b. Tồn tại, hạn chế

Đơn vị chưa đảm bảo công tác công khai tài chính ngân sách nhà nước; quản lý, sử dụng tài sản công trên trang/cổng thông tin điện tử của đơn vị.

2. Kiến nghị

Yêu cầu đơn vị hoàn thiện hồ sơ theo tiết b mục1 phần III tại văn bản này. Kiểm tra, rà soát lại sổ sách, chứng từ kế toán đảm bảo đúng quy định của Nhà nước và lưu trữ sổ sách, chứng từ kế toán theo đúng quy định hiện hành.

Trên đây là thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 *(không bao gồm kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và vốn đầu tư công)* của Sở Y tế đối với Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Yên, đề nghị đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Yên;
- Sở Tài chính;
- KBNN Khu vực IX, PGD Sơn La;
- Lưu: VT, KHTC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH SƠN LA

Trần Trọng Hải